



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI DIC
DIC-INTRACO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



www.dic-intraco.vn



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY47
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....47
3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....48

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....50
2. BAN KIỂM SOÁT55
3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT59

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Đăng tải chi tiết tại website: www.dic-intraco.vn)

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin khái quát**

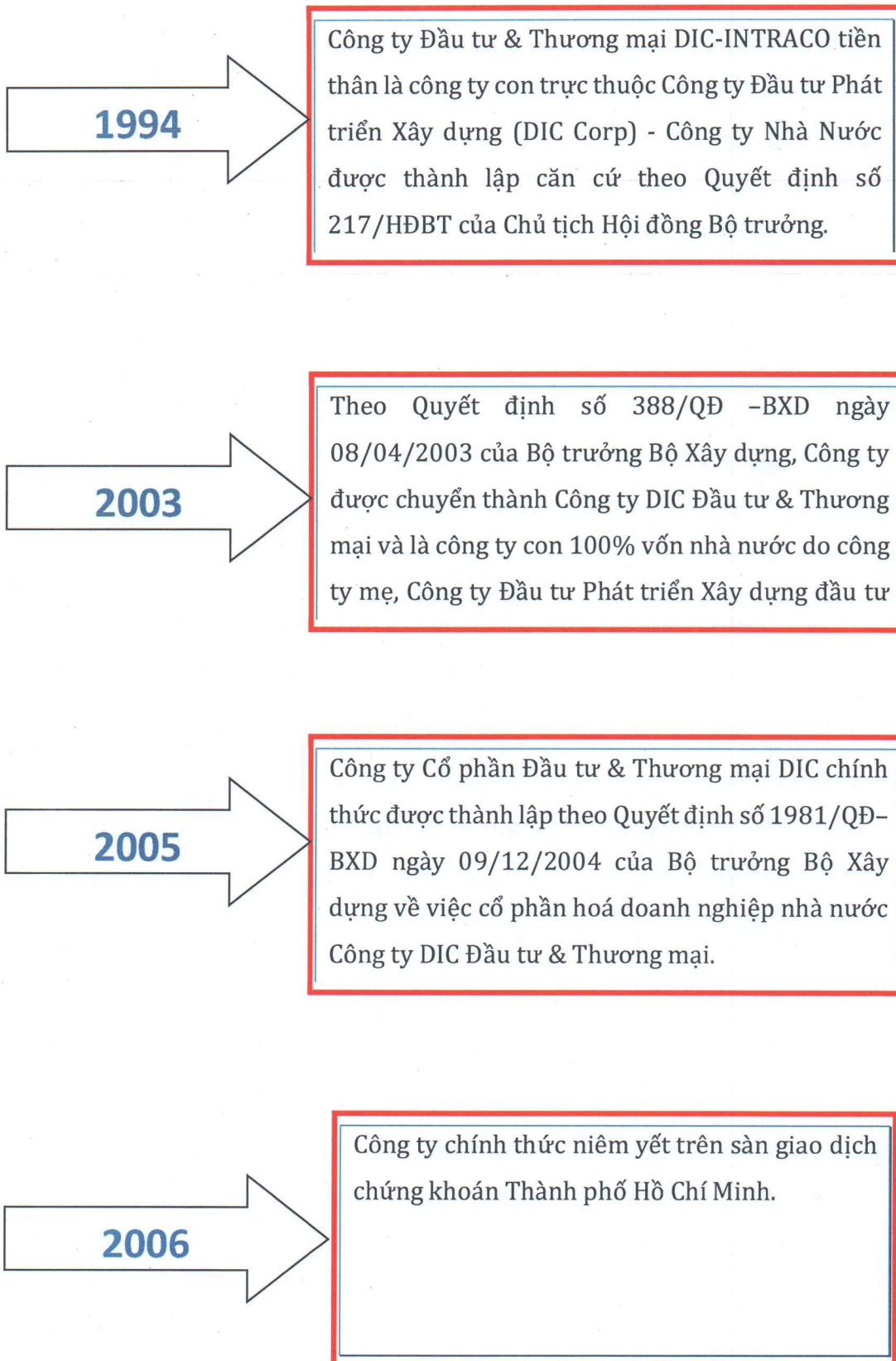
TÊN TIẾNG VIỆT	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI DIC
Tên Tiếng Anh	DIC Investment and Trading Joint Stock Company
Tên giao dịch	DIC – INTRACO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	0302979487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 14/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 17/08/2020
Vốn điều lệ	265.858.400.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng).
Địa chỉ trụ sở chính	82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
Điện thoại	(028) 3931 0504 – 3931 6579 – 3931 1966
Số Fax	(028) 3843 9279
Website	www.dic-intraco.vn
Mã cổ phiếu	DIC
Sàn giao dịch	HNX

Các đơn vị trực thuộc

6.	CN CTCP Đầu tư và Thương mại DIC tại Quận 9			<ul style="list-style-type: none"> • Kinh doanh Ngói màu 	<ul style="list-style-type: none"> • 952 Nguyễn Xiển, P. Long Bình, Quận 9, TP. HCM
7.	Xí nghiệp sx ngói màu DIC-secoin		51%	<ul style="list-style-type: none"> • Kinh doanh Ngói màu 	<ul style="list-style-type: none"> • 952 Nguyễn Xiển, P. Long Bình, Quận 9, TP. HCM
8.	CN CTCP Đầu tư và Thương mại DIC tại Bình Phước			<ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất xi măng 	Cụm A2, Lô 8, khu công nghiệp Chơn Thành, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
9.	CN CTCP Đầu tư và Thương mại DIC tại Phú Thọ		100%	<ul style="list-style-type: none"> • Sản xuất Clinker 	<ul style="list-style-type: none"> • Khu Chung cư Xi măng Hữu Nghị - Khu 3, Phường Vân Phú, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

487
TỶ
ĐẦU
G N
C
HỒ

3. Quá trình hình thành và phát triển



- Mua bán gỗ rừng trồng hoặc nhập khẩu;
- Gia công cơ khí, sản phẩm cơ khí (không gia công tại trụ sở);
- Mua bán, thi công và lắp đặt hệ thống điều hòa nhiệt độ;
- Đầu tư phát triển khu công nghiệp; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;
- Sản xuất vôi, xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở);
- Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (không hoạt động tại trụ sở).

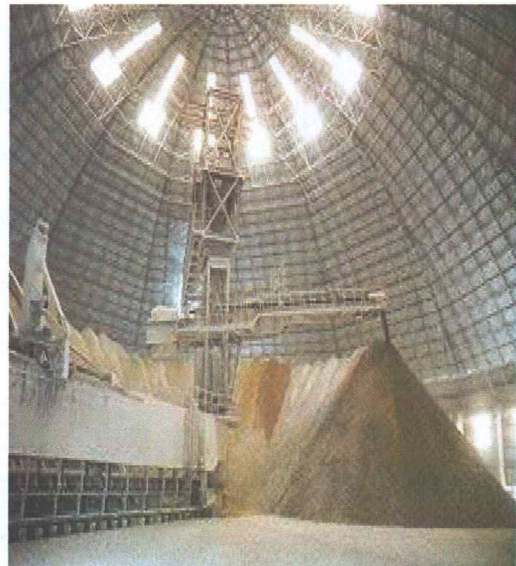
b. Địa bàn hoạt động

- Thương mại xuất khẩu sang các nước khu vực Châu Á và trong nước.

5. Các sản phẩm chính

XI MĂNG

Sản phẩm xi măng của DIC – INTRACO là loại xi măng hỗn hợp được sản xuất từ clinker chất lượng cao từ miền Bắc, thạch cao nhập khẩu và một số loại phụ gia khác. Hiện DIC – INTRACO sản xuất và cung ứng ra thị trường 3 loại xi măng PCB40, PCB30 và xi măng dùng cho xây tô. Nhà máy cũng đang nghiên cứu để cho ra đời xi măng đa dụng đáp ứng yêu cầu đa dạng của người tiêu dùng.



NGÓI MÀU

Sản phẩm ngói màu mang thương hiệu DIC-INTRACO đã và đang có uy tín trên thị trường vật liệu xây dựng trong nước.



(Tàu STAR GLORY vận chuyển 55.000 tấn than từ Indonesia về Việt Nam, giao cho NMNĐ Duyên Hải 3)

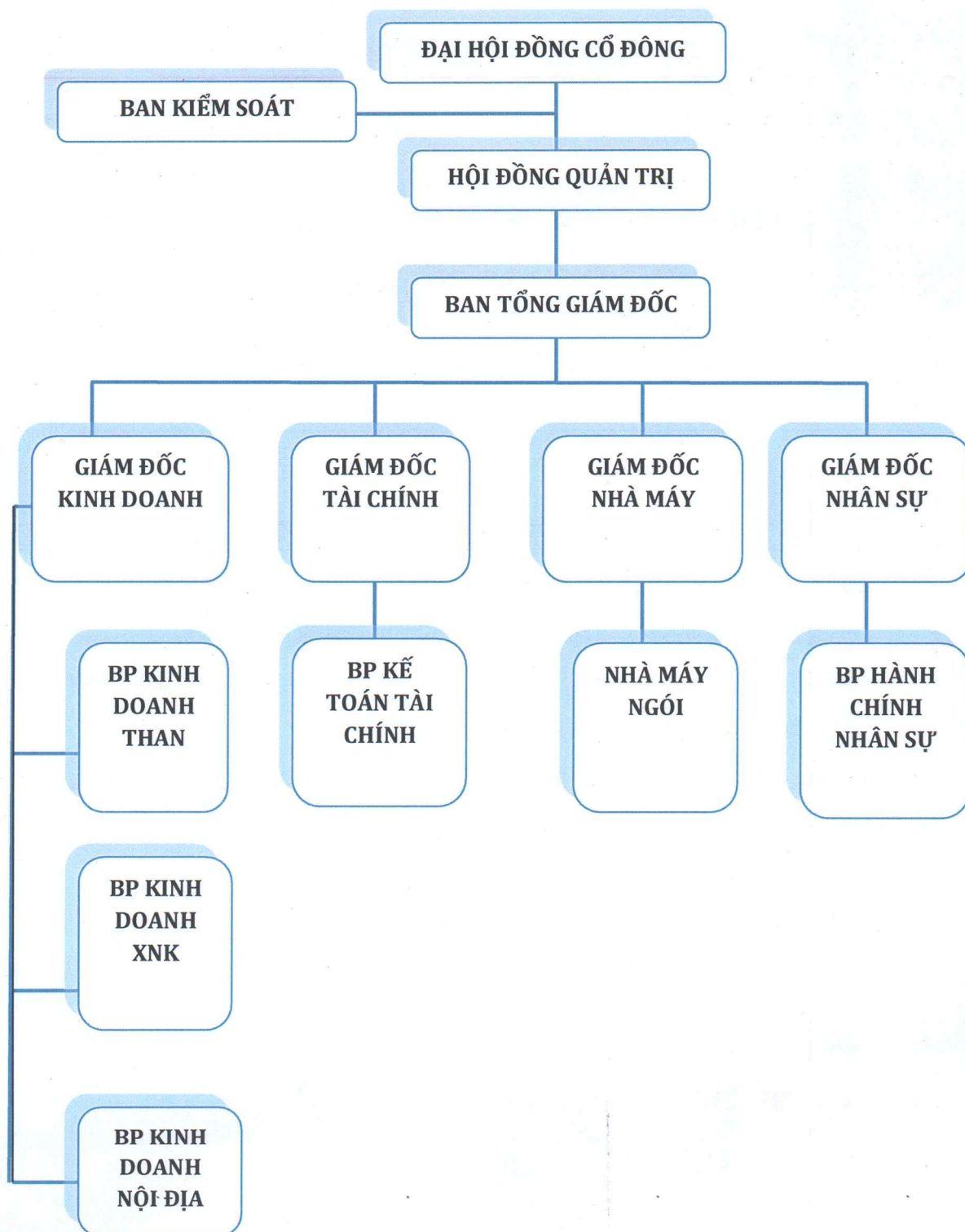


(Thiết bị chuyên dụng tiến hành rót than lên tàu tại cảng xếp Muara Berau, Indonesia)

6. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý



b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

<p>Ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại chủ yếu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung đầu tư vào công tác kinh doanh mặt hàng Than đá, đảm bảo nguồn Than đá ổn định – chất lượng. - Tập trung phát triển các mặt hàng thương mại truyền thống. Mở rộng thị phần ở phân khúc thị trường khách hàng lớn, các nhà máy uy tín sản xuất xi măng, các công ty xây dựng, đại lý phân phối - Tìm kiếm, khai thác thị trường mới và mặt hàng mới như xỉ và than cám...
<p>Đẩy mạnh cơ cấu các hoạt động đầu tư</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chú trọng cơ cấu đầu tư các dự án chưa hiệu quả. Đẩy nhanh tiến độ để hoàn thành các dự án hiện tại. - Tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới vào các ngành, lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng có hiệu quả cao và phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

<p>Các mục tiêu đối với môi trường</p>	<p>Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động/sản phẩm hoặc dịch vụ của DIC - INTRACO không chỉ bảo đảm chất lượng tốt mà còn có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.</p> <p>Để đạt được điều này, DIC - INTRACO cam kết thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty; Tăng cường kiểm soát, quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, giảm thiểu tác động đáng kể đến môi trường bằng các biện pháp:
---	---

8. Quản trị rủi ro và các loại rủi ro

8.1 Quản trị rủi ro

Hoạt động quản trị rủi ro được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT có nhiệm vụ xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng bộ phận nghiệp vụ, cụ thể như sau:

- Quản trị rủi ro phải gắn liền với mục tiêu và chiến lược của Công ty, là một phần quan trọng của việc ban hành bất kỳ quyết định nào liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Quản trị rủi ro phải dựa trên những thông tin hiện hữu đáng tin cậy. Các yếu tố đầu vào của quá trình quản lý rủi ro phải dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy về số lượng và chất lượng, từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm dữ liệu đã được lưu trữ, kinh nghiệm, thông tin phản hồi của các bên liên quan, sự quan sát, dự báo và phán đoán;
- Hệ thống quản trị rủi ro bao gồm các bộ phận và nhân sự phục vụ công tác quản trị rủi ro, được tích hợp trong cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Công ty, vận hành song song, phù hợp với quy mô và phạm vi hoạt động của Công ty;
- Các chính sách và quy trình quản trị rủi ro được thực hiện liên tục, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung phù hợp với phạm vi, quy mô hoạt động, điều kiện của công ty và bối cảnh thị trường.

8.2 Các loại rủi ro

Rủi ro kinh tế:

Trong năm 2021, kinh tế cả thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đều gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid. Kinh tế tăng trưởng chậm, doanh nghiệp gặp khó khăn, tỷ lệ thất nghiệp tăng. Quý III/2021, GDP giảm 6,17% - đây là lần đầu tiên GDP quý tăng trưởng âm kể từ khi Việt Nam đưa chỉ số này vào tính toán. Theo VnExpress, tính đến hết tháng 11/2021, Việt Nam đã có hơn 106.000 doanh nghiệp ngừng kinh doanh hoặc giải thể. Tỷ lệ thất nghiệp lên mức 3,98% - mức cao nhất trong 10 năm qua. Điều này ảnh hưởng lớn đến việc giá cả vật liệu tăng đột biến, cước tàu hàng tăng cao,... Công ty phải áp dụng các biện pháp điều chỉnh kịp thời nhằm giảm thiểu thiệt hại do tác nhân này gây ra.

Rủi ro tỷ giá:



áp lực lạm phát hạ nhiệt và hai khoản vay USD và EUR trong năm 2021 sẽ hết, nguồn vốn kinh doanh của DIC - INTRACO phụ thuộc vào vốn vay từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất sẽ gây những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Rủi ro khác:

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh...đều có thể ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của ngành cũng như của Công ty.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

STT	Chi tiêu	TH 2021		TH 2020		% TH2021/TH2020	
		Cty mẹ	Hợp nhất	Cty mẹ	Hợp nhất	Cty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng giá trị tài sản	1.178.665	1.174.155	1.470.300	1.469.796	80,2%	79,9%
2	Doanh thu thuần	1.400.111	1.400.111	1.083.409	1.086.710	129,2%	128,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	-40.700	-42.455	-119.816	-121.386	34%	35%
4	Lợi nhuận sau thuế	-40.700	-42.455	-119.816	-121.386	34%	35%

Đvt: triệu đồng

STT	Chi tiêu	KH 2021		TH 2021		% TH2021/KH2021	
		Cty mẹ	Hợp nhất	Cty mẹ	Hợp nhất	Cty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng giá trị tài sản			1.178.665	1.174.155		
2	Doanh thu thuần	1.642.750	1.642.750	1.400.111	1.400.111	85,2%	85,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	370	370	-40.700	-42.455	-11000%	-11474%
4	Lợi nhuận sau thuế			-40.700	-42.455		

Kinh tế xã hội năm 2021, diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu vẫn còn nhiều khó khăn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường, triển vọng kinh tế khu vực Eurozone chưa thật lạc quan. Kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm. Giá dầu thô giảm mạnh dẫn đến giá cả và các chi phí xuất – nhập khẩu bị ảnh hưởng. Ở trong nước, giá cả trên thị trường biến động, gây áp lực đến cân đối ngân sách Nhà nước.

Trong những ngày dịch bệnh Covid-19 đang bùng phát tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước, ngành Vật liệu xây dựng cũng đang phải chịu nhiều tác động. Sự chững lại của thị trường bất động sản từ năm 2019, đại dịch Covid-19 kéo dài

của bộ phận kinh doanh than nói riêng và toàn Công ty nói chung, kết quả kinh doanh năm 2021 của mặt hàng này đã mang về cho Công ty khoảng 682 tỷ đồng doanh thu, là mặt hàng chủ lực của Công ty trong năm qua.

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

✦ Đầu tư góp vốn Công ty CP Xi Măng Yển Mao 32,7 tỷ đồng

Dự án nhà máy xi măng Yển Mao là khoản đầu tư phát sinh từ Hợp đồng 133/HĐKT ngày 11 tháng 8 năm 2007 v/v hợp tác liên doanh Dự án đầu tư NMXM Hữu Nghị 2 tại xã Yển Mao, huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ, với công suất 1,200 tấn/ngày. Hiện công ty và đối tác là công ty CP Xi măng Hữu Nghị đang trong quá trình đàm phán liên quan đến công nợ, lãi chậm trả và xử lý khoản đầu tư này.

✦ Đầu tư nhà máy xi măng Hữu Nghị Tỉnh Phú Thọ

Năm 2014, đơn vị đầu tư mua lại nhà máy sản xuất Clinker với công suất 1,200 tấn/ngày tương đương 400,000 tấn/năm, trị giá 165 tỷ đồng tại KCN Thụy Vân, Tỉnh Phú Thọ của Công ty CP Xi măng Hữu Nghị trước đây nợ xấu thế chấp tại ngân hàng BIDV – CN Phú Thọ. Từ lúc tiếp quản nhận nợ BIDV CN.HCM ngày 03/06/2014 đến 30/09/2019 Công ty DIC đã trả 68 tỷ đồng nợ gốc và 35,4 tỷ đồng lãi vay. Với mục đích chủ động nguồn Clinker xuất khẩu và kinh doanh nội địa, cùng phương án tài chính dự án hiệu quả, sản lượng hòa vốn 25,000 tấn/tháng trên công suất thiết kế 35,000 tấn/tháng, giá bán tại nhà máy là 780,000 đồng/tấn; nhưng khi đi vào vận hành thực tế với quá nhiều khó khăn như: giá clinker đầu ra giảm còn 600,000 đồng/tấn vào tháng 08/2015, chi phí sửa chữa quá lớn so với định mức, khâu vận hành quản lý sản xuất bị tranh chấp Lò 02 DIC chung một đầu cấp liệu Lò 03 của Công ty CP Xi măng Hữu Nghị. Tổng kết kết quả kinh doanh từ tháng 06/2014 đến tháng 09/2019 lỗ lũy kế là 87,048 triệu đồng.

✦ Đầu tư hợp tác Công ty TNHH Phát Triển Công Nghiệp 31 tỷ đồng

Khoản góp vốn giá trị 31 tỷ đồng với Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp thông qua Hợp đồng góp vốn số 01/2014/HĐGV/DIC-PTCN ngày 09/06/2014 kèm Danh mục tài sản máy móc thiết bị lò quay công suất 1.200 tấn/ngày với mục đích sở hữu Hệ thống Tài sản là máy móc thiết bị lò quay Clinker công suất 1.200 tấn/

Đầu tư vào Công ty Cổ Phần SX Vật Liệu Xây Dựng DIC theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 03-2018/NQHĐQT.DIC-INTRACO ngày 11/07/2018. Tổng giá trị phần vốn góp là 2.000.000.000 đồng tương đương với 28,6% vốn điều lệ tại Công ty Cổ Phần SX Vật Liệu Xây Dựng DIC. Số vốn thực góp đến ngày 31/12/2021 là 420.000.000 đồng.

3. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.174.155	1.469.796	79,9%
2	Doanh thu thuần	1.400.111	1.086.710	128,8%
3	Lợi nhuận trước thuế	-42.455	-121.386	35%
4	Lợi nhuận sau thuế	-42.455	-121.386	35%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	0.90	0.86
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.72	0.71
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.94	0.96
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	14.71	21.98
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4.50	6.28
+ Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	1.22	1.57
+ Vòng quay các khoản phải trả	Vòng	0.77	0.97
+ Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0.74	1.19
+ Vòng quay tài sản cố định	Vòng	7.78	11.47
+ Vòng quay vốn lưu động	Vòng	0.88	1.45
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-11.17%	-3.03%

<p>Bà Lê Thị Thúy Nga Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc</p>	<p>Tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân, Bà Lê Thị Thúy Nga đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán Doanh nghiệp. Bà gia nhập Công ty vào năm 2001 và đã giữ nhiều chức vụ chủ chốt của DIC - INTRACO. Từ năm 2009 - nay, Bà Lê Thị Thúy Nga được bổ nhiệm làm Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC. Năm 2015, Bà được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen trong công tác quản trị. Hiện tại, Bà Nga nắm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty.</p>
<p>Ông Đinh Tiến Dũng Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc</p>	<p>Ông Đinh Tiến Dũng gia nhập DIC – INTRACO vào năm 2007, đã kinh qua nhiều vị trí chủ chốt của Công ty trước khi được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh kể từ tháng 06 năm 2013. Ông Dũng là người có rất nhiều kinh nghiệm trong mảng kinh doanh Clinker, những cải cách của ông trong năm 2013 đã góp phần làm cho doanh thu mảng này tăng trưởng vượt bậc, giúp DIC - INTRACO từ một doanh nghiệp chuyên nhập khẩu Clinker nay trở thành một đơn vị xuất khẩu có uy tín ở thị trường nước ngoài.</p>

b. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số Cán bộ – Công nhân viên của toàn Công ty tính đến thời điểm 31/12/2021 là 39 người, được phân loại theo trình độ như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỉ trọng
1	Đại học và trên đại học	24	62%
2	Cao đẳng	9	23%
3	Trung cấp	4	10%
4	Lao động phổ thông	2	5%
Tổng Cộng		39	100%

STT	Loại cổ phần	Số cổ phần
	- Cổ phần phổ thông (phát hành ra công chúng)	-
	- Cổ phần ưu đãi	-
3.	Cổ phần mua lại	-
4.	Cổ phần đang lưu hành sau phát hành	26.084.560
	- Cổ phần phổ thông	26.084.560
	- Cổ phần ưu đãi	-

b. Cơ cấu cổ đông

✚ Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 28/03/2023, cơ cấu cổ đông của DIC như sau:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	3.313	26.006.474	260.064.740.000	97,82%
	- Nhà nước	-	-	-	-
	- Tổ chức	28	3.926.199	39.261.990.000	14,77%
	- Cá nhân	3.285	22.080.275	220.802.750.000	83,05%
II	Cổ đông nước ngoài	50	78.086	780.860.000	0,29%
	- Tổ chức	4	2.830	28.300.000	0,01%
	- Cá nhân	46	75.256	752.560.000	0,28%
III	Cổ phiếu quỹ	1	501.280	5.012.800.000	1,89%
	Tổng cộng	3.364	26.585.840	265.858.400.000	100%

✚ Danh sách cổ đông tổ chức nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 28/03/2023

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
-----	-------------	---------	------------	-------

tương đương 122,8% GDP năm 2020. Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch (ĐKGD) của thị trường đạt 1.727 nghìn tỷ đồng, tăng 14,1% với cuối năm 2020.... Nhờ đó, TTCK Việt Nam được đánh giá là 1 trong 10 thị trường chứng khoán có sức chống chịu với đại dịch và phục hồi tốt nhất thế giới.

Về diễn biến giao dịch của cổ phiếu DIC, trong năm 2021 trước những biến động phức tạp và những khó khăn nội tại của DIC nói riêng, giá của cổ phiếu DIC đã có sự suy giảm mạnh khi rớt về ngưỡng 1.200 đồng/CP. Các hạn chế trong nội tại Công ty như công nghệ, nhân sự, sự chủ động về vốn, quản trị nội bộ... gây khó khăn cho Công ty trong việc duy trì sự tăng trưởng chứng khoán đã đạt được trong các năm trước.

9	EPS		-1.604		-4.628		34.7%
---	-----	--	--------	--	--------	--	-------

- Năm 2021, cùng với đại dịch Covid-19 là một năm mà hoạt động kinh doanh của Công ty phải đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức. Nhìn vào bảng kết quả kinh doanh năm 2021 thì hầu như các chỉ tiêu đều không đạt kế hoạch đề ra; các nhà máy, các Công ty con hoạt động không hiệu quả, song song đó việc chậm thanh toán tiền từ gói thầu cung cấp than cho nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 của tập đoàn điện lực EVN đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Công ty, đặc biệt là thiếu hụt nguồn vốn lưu động nên Ban Tổng Giám đốc đã rất khó khăn để có thể cân đối dòng tiền trong năm qua. Đối với khoản công nợ lớn là Tập đoàn điện lực Việt Nam: 172 tỷ đồng này, Công ty đã làm đơn khởi kiện và gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để yêu cầu Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) thanh toán khoản công nợ này. Theo đơn khởi kiện thì Công ty CP đầu tư và thương mại DIC đã yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) hoàn trả tổng số tiền 208.169.609.834 đồng (bao gồm món 171.999.444.452 đồng). Bước tiếp theo sẽ hoàn thiện hồ sơ kiện đòi thêm: 126.713.087.697 đồng.
- Đối với thị trường Xuất khẩu clinker là hoạt động truyền thống nhưng do không đủ nguồn tiền và bảo lãnh tín dụng nên hoạt động kinh doanh clinker khó thực hiện được. Đồng thời, do tình hình dịch bệnh Covid-19 dẫn đến một số nước đóng biên giới, giao thương vận tải giữa các nước gần như tê liệt nên việc kinh doanh của Công ty cũng phải dừng lại. Giá clinker trong nước không cạnh tranh được so với các nước trong khu vực, điển hình như Trung Quốc, nhà sản xuất xi măng chuyên sang nhập khẩu clinker từ các nước khu vực nên doanh số giảm mạnh, biên độ lợi nhuận thấp, thậm chí không thể thực hiện được các kế hoạch đề ra.
- Là Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, vì vậy nguồn vốn kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào vốn vay lớn, đặc biệt là các khoản vay nợ ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn tăng cao tại một số thời điểm thuận lợi dẫn đến chi

với tất cả các mặt hàng như thép, ngói màu, clinker, xi măng..... vì vậy tính cạnh tranh trên thị trường nội địa và xuất khẩu ngày càng khốc liệt, đòi hỏi các doanh nghiệp phải giảm giá bán và thay đổi chính sách bán hàng để có thể mở rộng thị trường, đặc biệt giữ mối quan hệ lâu dài với khách hàng. Để giảm bớt áp lực tài chính đồng thời tránh tình trạng dòng vốn bị ứ đọng và chiếm dụng trong thời gian dài, năm qua công ty đã tích cực thu hồi các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn. Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại Công ty mẹ là 386,8 tỷ đồng, giảm 36,77% so với cùng kỳ năm 2020.

- Công ty cũng đã linh động cắt giảm bớt các khoản nợ phải trả nhằm điều chỉnh hệ số đòn cân nợ cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Qua đó, nợ phải trả của năm 2021 là 1.123 tỷ đồng, tỷ lệ giảm 18,40% so với năm 2020, trong đó hầu hết tất cả các mục nợ ngắn hạn đều giảm, bao gồm các khoản phải trả cho người bán ngắn hạn, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản phải trả ngắn hạn khác.... Cụ thể, đối với Hợp nhất và Công ty mẹ thì phải trả người bán ngắn hạn giảm mạnh nhất, giảm xấp xỉ 283,5 tỷ đồng, tương đương giảm 71,12% so với cùng kỳ năm 2020. Công ty đang cố gắng nỗ lực thu hồi công nợ, giảm nợ vay nhằm cân đối lại nguồn tài chính, xây dựng uy tín đối với khách hàng, nhà cung cấp, tổ chức tín dụng....đồng thời góp phần đảm bảo các mặt hàng kinh doanh của Công ty được kinh doanh liên tục và không bị gián đoạn.
- Mặc dù đã rất cố gắng và quyết tâm, nhưng trước tình hình khó khăn của thị trường VLXD nói riêng và kinh tế Việt Nam nói chung, kết thúc niên độ 2021, kết quả kinh doanh của Công ty hợp nhất và Công ty mẹ đều không đạt chỉ tiêu đề ra. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất lỗ 42,4 tỷ đồng, lợi nhuận giảm, tương đương 11474% so với kế hoạch năm 2021, theo đó lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ lỗ 40,7 tỷ đồng, lợi nhuận giảm, tương đương 11000% so với kế hoạch.

✦ Kết quả kinh doanh theo từng mặt hàng của Công ty năm 2021

nhiên, nếu tăng giá quá cao sẽ giảm sức cạnh tranh của clinker Việt Nam đối với các thị trường khác. Đồng thời, do tình hình dịch bệnh Covid-19 dẫn đến một số nước đóng biên giới, giao thương vận tải giữa các nước gần như tê liệt nên việc kinh doanh của Công ty cũng phải dừng lại. Giá clinker trong nước không cạnh tranh được so với các nước trong khu vực, điển hình như Trung Quốc, nhà sản xuất xi măng chuyên sang nhập khẩu clinker từ các nước khu vực.

★ **Mặt hàng Ngói màu:** Ngói màu là thương hiệu đã hình thành được 15 năm nay, là thương hiệu uy tín trên thị trường nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài, trước tình hình đó, Ban Tổng giám đốc đã đề ra chiến lược kinh doanh nhằm cải thiện tình hình khó khăn trước mắt. Kết thúc năm 2021, doanh thu của mặt hàng này khoảng 1,6 tỷ đồng, doanh thu giảm mạnh, chỉ đạt 20,4% so với kế hoạch đề ra. Thị trường bất động sản chững lại sẽ khiến mặt hàng này càng gặp khó khăn hơn trong tương lai.

❖ **Mặt hàng than đá:** Hiện nay là mặt hàng kinh doanh cốt lõi và mang lại doanh thu chủ lực cho Công ty.

- Ngày 28/03/2017, Công ty DIC đã ký kết Hợp đồng số 04/2017/HĐMB với Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc cung cấp than nhập khẩu cho Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4, với trị giá 1.153.282.439.346 đồng. Công ty đã giao hàng xong chuyển cuối cùng vào ngày 19/04/2018, hoàn thành trước tiến độ hợp đồng là 05 tháng. Tuy nhiên, quá trình quyết toán gói thầu đến nay vẫn chưa hoàn thành do vướng phải một số tranh chấp về chính sách hoàn thuế, thủ tục Hải quan... Đến tháng 04/2019, Tổng Cục thuế, Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính mới ra văn bản tháo gỡ các vướng mắc về chính sách thuế GTGT cho Hợp đồng nói trên. Điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính của DIC. Nguồn vốn bị động, các hoạt động kinh doanh của Công ty gần như bị gián đoạn, đình trệ do không đảm bảo được nguồn vốn đầu tư. Trước tình hình trên, Công ty đã khởi kiện Tập

sản ngắn hạn giảm so với năm 2020 chủ yếu là do các khoản phải thu ngắn hạn giảm. Tài sản ngắn hạn năm 2020 của Công ty chủ yếu là:

- Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng và các khoản phải thu ngắn hạn khác.
- Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác.
- Tiền và các khoản tương đương tiền.
- Hàng tồn kho.
- Tài sản ngắn hạn khác

Tài sản dài hạn năm 2021 giảm 10,22% so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do hao mòn tài sản cố định nên giá trị còn lại của tài sản giảm. Tài sản dài hạn năm 2021 của Công ty chủ yếu là:

- Các khoản phải thu dài hạn bao gồm phải thu của khách hàng, trả trước cho người bán, vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc,...
- Tài sản cố định.
- Tài sản dở dang dài hạn.
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn như đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết,...
- Tài sản dài hạn khác.

b. Tình hình nợ phải trả

Đvt: triệu đồng

Chi tiêu	2021	2020	So sánh
Nợ ngắn hạn	1.123.053	1.376.089	-18.39%
Vay ngắn hạn	748.619	771.891	-3.01%
Nợ dài hạn	18	167	-89.22%
Vay và nợ dài hạn	18	167	-89.22%
Nợ phải trả	1.123.071	1.376.256	-18.40%
Vốn chủ sở hữu	51.084	93.540	-45.39%

Việt Nam đã rất thành công duy trì tốc độ tăng trưởng GDP dương, đạt 2,58%. Quy mô nền kinh tế Việt Nam đạt 375 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt hơn 3.700 USD/năm, xuất siêu hàng hóa đạt 4,08 tỷ USD; dự trữ ngoại hối vượt 120 tỷ USD. Đây là nền tảng quan trọng để kinh tế Việt Nam tiếp tục có bước phát triển khả quan trọng năm 2022 với mục tiêu GDP tiếp tục tăng trưởng 5,3 đến 6,5%. Tuy nhiên, đây là năm vẫn còn nhiều thách thức khi giá nguyên nhiên liệu xu hướng tăng, giá bán biến động không tương xứng, chi phí tài chính tăng do dự báo lãi suất tăng bởi xu hướng chính sách tiền tệ thắt chặt.

Với dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam như thế, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tạm ngưng kinh doanh một số mặt hàng và đề ra kế hoạch trong năm 2022 như sau:

- Kế hoạch Doanh thu hợp nhất: 1.500 tỷ đồng (tăng 7% so với thực hiện năm 2021)
- Kế hoạch Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 75 tỷ đồng (tăng 277% so với thực hiện năm 2021)
- Kế hoạch Doanh thu Công ty mẹ: 1.500 tỷ đồng (tăng 7% so với thực hiện năm 2021)
- Kế hoạch Lợi nhuận Cty mẹ trước thuế: 75 tỷ đồng (tăng 284,28% so với thực hiện năm 2021)

Để đạt kế hoạch kinh doanh năm 2022, Ban lãnh đạo đã họp từng phòng ban tiếp nhận những ý kiến, kiến nghị và định hướng như sau:

❖ Đối với vấn đề kinh doanh

- Gói thầu than cấp nhà máy Duyên Hải 3 và Duyên Hải 3 mở rộng trúng thầu số lượng 1.000.000 tấn, doanh thu dự kiến 1.800 tỷ đồng và lợi nhuận dự tính 49 tỷ đồng, thời gian cung cấp dự kiến đến tháng 03/2022; Tại thời điểm trúng gói thầu này phương án kinh doanh tính trên chỉ số Newc và ICI 3 tháng có lãi, chủ yếu do ngân hàng HD Bank bảo lãnh dự thầu và bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Tập Đoàn

- + Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
- + Phối hợp và giám sát thực hiện công tác bảo lãnh vay vốn tại Ngân hàng TMCP để tài trợ hoạt động kinh doanh.
- + Chỉ đạo công tác kiện toàn, công tác quản trị tại văn phòng Công ty, các nhà máy và các công ty con.
- + Định kỳ phối hợp cùng Ban Giám đốc, các bộ phận liên quan đánh giá năng lực tài chính của một số khách hàng có nợ quá hạn và chỉ đạo triển khai các biện pháp thu hồi công nợ đối với các khách hàng này.
- + Yêu cầu Ban Giám đốc phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021, từ đó đưa ra kiến nghị khắc phục, đồng thời xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.
- + Sửa đổi mô hình tổ chức hoạt động, sắp xếp lại các phòng ban và nhân sự nhằm tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả công việc.
- + Thông qua việc thay đổi nhân sự, từ nhiệm, bãi nhiệm của Ban Giám đốc.
- Về nhân sự điều hành: giảm còn 03 thành viên trong Ban TGD, sát nhập các phòng ban Kinh doanh, giảm vị trí Quản lý cấp Giám đốc bộ phận, nhân sự gián tiếp cơ cấu lại bộ máy không dư thừa; hạn chế các chi phí giao tế, tiết giảm chi phí quản lý, điều chỉnh cắt giảm các phụ cấp chức vụ, chi phí đi lại...

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán trong Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán.

Sự bùng phát của đại dịch Virus Corona 2019 ("Covid-19) từ tháng 03 năm 2020 tại Việt Nam với các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC lại là công ty đại chúng quy mô lớn, Báo cáo tài chính hợp nhất được tổng hợp từ báo cáo tài chính từ các công ty con, các chi nhánh, các nhà máy hạch toán phụ thuộc, và các đơn vị này nằm ở nhiều địa điểm trên toàn quốc. Việc tập hợp số liệu phục vụ công tác lập báo cáo tài chính riêng và

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm qua, Công ty đã nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nghĩa vụ của doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán, hoàn thành công tác công bố thông tin đến quý cổ đông, nhà đầu tư và các cơ quan quản lý.

Về kết quả sản xuất kinh doanh của DIC – Intraco trong năm tài chính 2021 gặp khá nhiều khó khăn do một số nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan tác động. Cụ thể nền kinh tế thế giới trong năm biến động không lường, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng trong khi kinh tế Việt Nam lại đối mặt với sự dư thừa công suất của các sản phẩm VLXD như clinker, xi măng, thép..., chi phí sản xuất gia tăng bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công... đã ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị đã sát cánh cùng Ban Tổng Giám đốc nỗ lực đưa ra những giải pháp, phương án và chính sách bán hàng mới sao cho phù hợp với tình hình kinh tế khó khăn như hiện nay. Kết quả kinh doanh của Công ty chưa đạt kế hoạch như Đại hội đồng cổ đông đề ra khi Doanh thu chỉ đạt 1.086 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế lỗ 121 tỷ đồng.

Hội đồng Quản trị ghi nhận sự đoàn kết và cố gắng của toàn bộ CB-CNV Công ty trong việc nỗ lực hoàn thành kế hoạch đặt ra trong điều kiện kinh tế khó khăn và khắc nghiệt như hiện nay.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Hội đồng Quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và Bộ phận các phòng ban trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai, thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị đồng thời hoàn thành tốt vai trò của mình thông qua việc theo dõi sát sao tình hình hoạt động của Công ty trên tất

thử nghiệm nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng” mà Công ty đã ký kết. Bộ phận Kinh doanh cần lên kế hoạch cụ thể, báo cáo chi tiết tiến độ thực hiện cho Ban Tổng Giám đốc để kịp thời xử lý với những tình huống bất ngờ, đảm bảo nguồn lực về tài chính nhằm tạo điều kiện hoàn thành tốt nhất các dự án đấu thầu trên. Vì vậy, đây là vấn đề được Ban Tổng Giám đốc đặc biệt quan tâm và chú trọng theo dõi.

- Phối hợp với các Công ty liên doanh, liên kết theo dõi tiến độ hoạt động, phấn đấu hoàn thành tới mức cao nhất kế hoạch đặt ra, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận nhằm mang lại kết quả kinh doanh cho Công ty hợp nhất.

STT	Tên	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Chức vụ tại các tổ chức khác	Ghi chú
7.	Ông Bùi Thành Nhân	Thành viên HĐQT		Giám đốc Công ty TNHH Phát Triển Đầu Tư Thương Mại NHT	Bổ nhiệm thành viên HĐQT từ 15/10/2020

b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong niên độ tài chính 2021, Hội đồng Quản trị đã tiến hành 10 cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm kịp thời đưa ra những chủ trương, quyết sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị bao gồm như sau

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Đức Hải	Chủ tịch HĐQT	10	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Quyến	Thành viên	10	100%	
3	Bà Lê Thị Thúy Nga	Thành viên	10	100%	
4	Ông Phạm Hữu Long	Thành viên	10	100%	
5	Ông Bùi Thành Nhân	Thành viên	10	100%	
6	Ông Đinh Tiến Dũng	Thành viên	10	100%	
7	Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	6	60%	Đơn từ nhiệm vào 01/07/2021

d. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc

			BIDV)
2	02-2021/NQHĐQT.DIC- INTRACO	01/03/2021	Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu tư và Thương Mại DIC (Về việc: Thông qua chuyển nhượng tài sản tại Chi nhánh CTCP Đầu Tư và Thương Mại DIC)
3	03-2021/NQHĐQT.DIC- INTRACO	23/03/2021	Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu tư và Thương Mại DIC (Về việc: Thông qua hợp đồng mua bán than DIC-PHC)
4	04-2021/ NQHĐQT.DIC- INTRACO	29/03/2021	Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu tư và Thương Mại DIC (Về việc: Thế chấp tài sản tại CN CTCP Đầu Tư và Thương Mại DIC)
5	05-2021/ NQHĐQT.DIC- INTRACO	30/03/2021	Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu tư và Thương Mại DIC (Về việc: Thông qua chuyển nhượng trái phiếu BIDV)
6	06-2021/ NQHĐQT.DIC- INTRACO	31/03/2021	Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu tư và Thương Mại DIC (Về việc: Thông qua chuyển nhượng trái phiếu BIDV)

Điều lệ Công ty, phù hợp các chủ trương, định hướng đã đề ra của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT.

2. **Ban kiểm soát:** Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Bà Phan Thùy Trâm	Trưởng BKS	10	100%	
2	Bà Đặng Thị Kim Châu	Thành viên	10	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Diệp	Thành viên	10	100%	

A. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2021, Ban kiểm soát của DIC Intraco đã chủ động kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty. Các hoạt động chính của BKS trong năm 2021 gồm có:

- Định kỳ thực hiện công tác kiểm soát trực tiếp tại đơn vị về thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát tính phù hợp về thẩm quyền ra quyết định của Hội đồng quản trị, ban điều hành;
- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Trình HĐQT lựa chọn đơn vị tư vấn kiểm toán theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

B. Thẩm định của Ban kiểm soát năm 2021

a. Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Do tình hình dịch bệnh trong năm 2021, ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty nói riêng và trên cả nước nói chung. Nhìn chung trong năm 2021

còn vướng các vấn đề về thủ tục giấy tờ. Công Ty DIC vẫn đang phối hợp với các đơn vị trực thuộc UBND Tỉnh và Ban quản lý khu công nghiệp Phú Thuận tại huyện Bình Đại hoàn tất các thủ tục đầu tư để thực hiện dự án theo hướng dẫn của UBND Tỉnh Bến Tre

c. Tình hình tài chính của Công ty

Trong năm 2020 hoạt động kinh doanh của công ty có nhiều biến động, do tác động của việc thu hồi công nợ tại dự án Than Vĩnh Tân không đạt kế hoạch, các dự án đầu tư đều không hiệu quả dẫn tới đơn vị thiếu vốn hoạt động. Doanh thu các lĩnh vực đều giảm so với cùng kỳ.

d. Thẩm định báo cáo tài chính

d.1 Bảng cân đối kế toán tóm tắt của Công Ty mẹ:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2020	Biến động
Tài sản ngắn hạn	971,7	1.240	-21,6%
Tài sản dài hạn	206,9	229,6	-9,9%
Tổng tài sản	1.179	1.470	-19,8%
Nợ phải trả	1.128	1.379	-18,2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	50	91	- 45%
Tổng nguồn vốn	1.179	1,470	-19,8%

Nhận xét một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính Công ty mẹ:

* So với đầu năm, tổng tài sản năm 2021 giảm 19,8%, trong đó:

Tài sản ngắn hạn giảm, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- + Đầu tư tài chính ngắn hạn giảm.
- + Hàng tồn kho giảm.
- + Các khoản phải thu ngắn hạn giảm so với đầu năm.
- + Tài sản dài hạn giảm so với năm 2020.

* So với đầu năm, tổng nguồn vốn năm 2021 giảm 19,8%, trong đó:

- Công ty cần lưu ý thực hiện đúng quy định về hạch toán kế toán và quyết toán đối với chi phí tạm ứng.

🚩 Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên hàng năm. Giám sát việc chấp hành Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm của Công ty. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :

a. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn

STT	Tổ chức/ Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Phạm Hữu Long	Cổ đông nội bộ	869,550	3,33%	100,050	0.38%	Bán cổ phiếu
2.	Phạm Hữu Long	Cổ đông nội bộ	100,050	0.38%	30,050	0.12%	Bán cổ phiếu

b. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát được hưởng thù lao và các quyền lợi khác theo quy định hiện hành của Công ty. Trong đó, thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát nằm trong quỹ tiền lương chung của Công ty và được trả theo vị trí, chức danh công việc gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Năm 2021, thù lao thực tế của HĐQT và Ban Kiểm soát đảm bảo theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

c. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		962.599.878.156	1.234.158.605.165
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.164.717.423	10.331.880.011
1. Tiền	111		2.164.717.423	10.331.880.011
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	11.174.203.269
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	11.174.203.269
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		775.784.459.209	956.232.118.271
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	386.458.271.543	611.363.774.562

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.555.382.954	235.637.671.193
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.300.000	9.300.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	9.300.000	9.300.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.055.535.666	3.055.535.666
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	3.055.535.666	3.055.535.666
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	68.145.933.590	71.325.933.590
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.423.233.590	36.423.233.590
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		31.722.700.000	31.722.700.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	3.180.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.255.518.985	21.628.679.327
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	16.581.232.950	19.954.393.292
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.674.286.035	1.674.286.035
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.123.070.687.524	1.376.256.229.045
I. Nợ ngắn hạn	310		1.123.052.757.376	1.376.088.907.817
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	115.141.805.838	398.738.530.297
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	46.750.910.643	48.549.992.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	6.715.286.569	6.629.962.644
4. Phải trả người lao động	314		1.013.674.325	1.490.118.276
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	168.763.542.646	105.166.117.315
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	36.048.098.037	43.622.827.601
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	748.619.439.318	771.891.359.421

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.084.573.586	93.540.047.313
I. Vốn chủ sở hữu	410		51.084.573.586	93.540.047.313
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	265.858.400.000	265.858.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		265.858.400.000	265.858.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	1.397.230.362	1.397.230.362
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.174.155.261.110	1.469.796.276.358



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
12. Thu nhập khác	31	VI.8	15.755.557.414	84.799.095
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.726.610.134	24.233.804.039
14. Lợi nhuận khác	40		14.028.947.280	(24.149.004.944)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(42.455.473.727)	(121.385.849.992)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế	60		(42.455.473.727)	(121.385.849.992)
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(41.832.235.561)	(120.717.241.717)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(623.238.166)	(668.608.275)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(1.604)	(4.628)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(1.604)	(4.628)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(291.545.785.395)	192.164.795.726
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.564.969.918	715.633.039
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(102.388.944)	(5.078.443.135)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		284.581.210	61.933.452.173
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(130.000.000)	(755.756.554)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	5.368.988.937
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(360.576.677)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.714.779.946	60.397.459.424
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính:

VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		310.693.976.115	15.822.233.130
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(333.965.896.218)	(145.505.830.452)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(149.391.080)	(7.283.244.955)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.421.311.183)	(136.966.842.277)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.167.162.588)	(5.596.289.476)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.331.880.011	15.928.169.487



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 3908; 3910 6162 - Fax: 028. 3910 4880

Số: 12 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC và các Công ty con (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 04 năm 2023, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do những vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tới thời điểm phát hành báo cáo này chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận liên quan đến các khoản công nợ phải thu khách hàng ngắn hạn 277 tỷ đồng, trả trước cho người bán ngắn hạn 233 tỷ đồng, phải thu tạm ứng 37,4 tỷ đồng, phải thu khác ngắn hạn 23,3 tỷ đồng, phải trả người bán ngắn hạn 57,7 tỷ đồng, người mua trả tiền trước ngắn hạn 3,7 tỷ đồng, phải trả khác ngắn hạn 9,2 tỷ đồng. Công ty cũng chưa đánh giá khả năng thu hồi và xác định tổn thất đối với các khoản nợ phải thu này. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính chính xác của các khoản công nợ nêu trên. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất hay không.

Đối với khoản đầu tư hợp tác với Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp trị giá 31 tỷ đồng (chưa được xác nhận) như trình bày thuyết minh tại V.2 trang 25 phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản đầu tư góp vốn theo hợp đồng từ năm 2014 đến nay thời hạn thực hiện đã hết nhưng các bên đã không thực hiện như nội dung đã cam kết trong hợp đồng. Chúng tôi cũng không thu thập được các hồ sơ để xác định các bên có tiếp tục thực hiện như cam kết hay không, chúng tôi không đánh giá được khả năng thu hồi tiền đã đầu tư cũng như không xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất hay không.

Tại thời điểm 31/12/2021 Công ty còn một số lượng ngôi thành phẩm và ngôi mộc hư hỏng không sử dụng được, tồn kho lâu ngày chậm luân chuyển tổng trị giá 31,9 tỷ đồng. Công ty chưa xác định được giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng hóa này để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt nam số 02-"Hàng tồn kho". Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán phù hợp để đánh giá và xác định giá trị thuần của hàng tồn kho, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.



T.C.P. ★ HMM